

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen.

Ông Nguyễn Khắc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1994; Địa chỉ: Cụm 13, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy M, sinh năm 1989; ĐKNKTT: Cụm 7, xã H, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; nơi ở: Cụm 5, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị U trình bày:* Chị và anh Nguyễn Duy M tìm hiểu yêu nhau và tự nguyện kết hôn, được UBND xã Tân Hội, huyện Đan Phượng đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2017. Cưới xong chị về chung sống cùng anh M tại cụm 5, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Nguyên nhân chị U

làm đơn xin ly hôn anh M là do trong cuộc sống chung, vợ chồng không cùng quan điểm dẫn đến không đồng thuận về các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ngày 14/2/2019 chị và con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã T sinh sống từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, việc của ai người đó làm. Nay chị không còn tình cảm với anh Mạnh, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Duy M.

+ Về con chung: Chị U và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/3/2018. Hiện nay cháu N đang ở với chị, ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh M đóng góp tiền nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ, công sức: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Duy M sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị U, Tòa án đã xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh M biết các yêu cầu khởi kiện của chị U. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập để anh M đến Tòa án trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải nhưng anh M đều vắng mặt.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Duy M, xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/3/2018, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản: không có; về công sức với gia đình: không có; về nợ: vợ chồng không có nợ chung. Anh Nguyễn Duy M đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị U xử cho chị Uyên được ly hôn anh Nguyễn Duy M. Về quyền nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/3/2018 cho chị U nuôi dưỡng. Do chị U không yêu cầu nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không phải giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị U có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Duy M có địa chỉ cư trú tại Cụm 5, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xác định là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo qui định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 3 điều 36; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nguyễn Duy M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 220 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Nguyễn Duy M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Duy M trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị U và anh M do không quan tâm đến nhau, không chia sẻ vui, buồn, khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên tình cảm nhạt dần, dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Chị U xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn nên xin ly hôn. Anh M tuy đã được thông báo, triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến và Tòa án hòa giải việc ly hôn nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh M không có nguyện vọng để cải thiện và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Duy M đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị U, xử cho chị Uyên được ly hôn với anh Nguyễn Duy M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Duy M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/3/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc N đang được chị U trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu N dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc N cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị U. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định của pháp luật.

Tài sản chung, về công sức với gia đình, về nợ chung: Chị U xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ

luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị U.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Nguyễn Duy M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/3/2018 cho chị Nguyễn Thị U nuôi cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc N đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N đối với anh Nguyễn Duy M cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Nguyễn Duy M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, về công sức với gia đình, về nợ chung: Chị U xác định không có nên không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014474 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã T, huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

